

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG MINH ANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG MINH ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH ANH CONSUMER PRODUCTS MANUFACTURING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110354650

3. Ngày thành lập: 17/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 2 dãy C, Ngõ 16 Đường Ngô Quyền, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0967163333

Fax:

Email: hangtieudungminhanh@gmail.com Website: om

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
3.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649(Chính)
5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
6.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669

7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
8.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
9.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
10.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
11.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
12.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
13.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản - Tư vấn bất động sản - Quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
14.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	7020
15.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4690
16.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
17.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ đấu giá)	4719
18.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
19.	Sản xuất sợi	1311
20.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
21.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
22.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
23.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
24.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
25.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
26.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
27.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
28.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
29.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621

30.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
31.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
32.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
33.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
34.	In ấn (Trừ in tráng phủ bằng kim loại trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may đan)	1811
35.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
36.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
37.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
38.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
39.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
40.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
41.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
42.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
43.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
44.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
45.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
46.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
47.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
48.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
49.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
52.	Bốc xếp hàng hóa	5224
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
55.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
56.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
57.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
58.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100

59.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
60.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
61.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
62.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
63.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
64.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
65.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
66.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
67.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4772
68.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	HOÀNG VĂN DŨNG	Việt Nam	Số 45 Cầu Đor 4, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.000.000.000	40,000	038086021843	
2	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	Việt Nam	Số 45 Cầu Đor 4, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	60,000	038187020438	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẶNG THỊ PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/07/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038187020438

Ngày cấp: 22/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 45 Cầu Đor 4, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 45 Cầu Đor 4, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội